

Số: **61** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng **4** năm 2023

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật giáo dục  
nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội**

Thực hiện Quyết định số 29/QĐ-TTr ngày 13/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội, từ ngày 06/3/2023 đến ngày 09/3/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội.

**2. Địa chỉ**

**2.1. Trụ sở chính:** Khúc Toại, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222282181 Email: caodangyduochanoi2017@gmail.com.

**2.2. Phân hiệu/cơ sở đào tạo/địa điểm đào tạo:**

a) Phân hiệu: không

b) Cơ sở/địa điểm đào tạo

Theo báo cáo của Trường, tại thời điểm thanh tra, Trường có 03 địa điểm đào tạo, gồm:

- Tại trụ sở chính: Khúc Toại, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội (số 176 Quán Trữ, phường Trường Chinh, quận Kiên An, thành phố Hải Phòng).

- Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.





**3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** tư thục.

**4. Quyết định thành lập/cho phép thành lập/đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Quyết định số 801/QĐ-LĐTĐBXH, ngày 16/6/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật y tế Thăng Long; Quyết định số 1108/QĐ-LĐTĐBXH ngày 23/08/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH cho phép đổi tên trường thành trường Cao đẳng Nghề Y Dược Thăng Long; Quyết định số 1486/QĐ-LĐTĐBXH ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH cho phép đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội.

**5. Hội đồng quản trị; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng**

**5.1. Hội đồng quản trị**

Đã thành lập Hội đồng quản trị Trường: Quyết định số 1829/QĐ-LĐTĐBXH ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc công nhận Hội đồng quản trị của Trường nhiệm kỳ 2016 - 2020; Quyết định số 490/QĐ-TCGDNN ngày 03/11/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN về việc công nhận Hội đồng Quản trị của Trường nhiệm kỳ 2021-2026.

**5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động**

Đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường: Quyết định số 27/QĐ-QĐ-YDHN ngày 14/02/2017 và Quyết định số 41/QĐ-YDHN ngày 07/03/2022 của Hiệu trưởng Trường; tuy nhiên tại Điều 8 quy định về tiêu chuẩn và điều kiện Hiệu trưởng thiếu nội dung “Đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp”.

**5.3. Hiệu trưởng**

- Giai đoạn trước 02/3/2023: ông Lê Trung Hải, sinh ngày 16/01/1957, được Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH công nhận là Hiệu trưởng tại Quyết định số 686/QĐ-LĐTĐBXH ngày 13/6/2018; đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN do Tổng cục GDNN cấp ngày 01/9/2020.

- Từ ngày 02/3/2023: bà Trần Phương Thảo, sinh ngày 24/10/1983, được Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH công nhận là Hiệu trưởng tại Quyết định số 215/QĐ-LĐTĐBXH ngày 02/3/2023; đã được cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN do Tổng cục GDNN cấp ngày 11/8/2018.

Ông Lê Trung Hải và bà Trần Phương Thảo đủ tiêu chuẩn là hiệu trưởng; hồ sơ đề nghị công nhận hiệu trưởng và thôi giữ chức vụ hiệu trưởng đầy đủ theo quy định.

**6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 08/2020/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 17/01/2020, do Tổng cục GDNN cấp, gồm: tại Trụ sở chính (phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc



Ninh); tại địa điểm liên kết đào tạo (Trường Cao đẳng Lào Cai, tổ 19 phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Phúc, phố Tuệ Tĩnh, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội, số 176 Quán Trữ, phường Trường Chinh, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang, số 147 đường Thánh Thiên, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo báo cáo của Trường, tại thời điểm thanh tra Trường không tổ chức đào tạo tại các địa điểm: Trường Cao đẳng Lào Cai, Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Phúc, Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 08a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/10/2020, do Tổng cục GDNN cấp tại địa điểm liên kết đào tạo: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, số 137 đường Phạm Hùng, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo báo cáo của Trường, tại thời điểm thanh tra Trường không tổ chức đào tạo tại địa điểm này.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 08b/2020/GCNĐKBS-TCGDNN, ngày 25/12/2020, do Tổng cục GDNN cấp tại địa điểm liên kết đào tạo: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, số 137 đường Phạm Hùng, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo báo cáo của Trường, tại thời điểm thanh tra Trường không tổ chức đào tạo tại địa điểm này.

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### 1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp

#### 1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Về diện tích đất sử dụng chung toàn trường (tại trụ sở chính, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh): 20.000 m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT06458 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 24/6/2014 cho Trường Trung cấp Y dược Bắc Ninh (nay là Trường Trung cấp Y tế Trung Ương) có tổng diện tích sử dụng 23.876 m<sup>2</sup>, Trường Trung cấp Y tế Trung ương đã bàn giao cho Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội 20.000 m<sup>2</sup> sử dụng đến ngày 21/12/2060 (Biên bản bàn giao ngày 01/11/2016).

#### 1.1.2. Diện tích xây dựng các hạng mục công trình

a) Tại trụ sở chính: 12.110 m<sup>2</sup>, gồm:

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: 17 phòng, tổng diện tích 900 m<sup>2</sup>.

- Công trình phụ trợ: hội trường, phòng họp, phòng y tế, thư viện, khu giáo dục thể chất, ký túc xá, nhà xe, căng tin, tổng diện tích 6.130 m<sup>2</sup>.

- Phòng học lý thuyết: 28 phòng (27 phòng diện tích 80 m<sup>2</sup>/phòng, 01 hội trường lớn diện tích 200 m<sup>2</sup>), tổng diện tích 2.360 m<sup>2</sup>.

- Phòng/xưởng thực hành: 14 phòng, 01 vườn dược liệu, tổng diện tích 2.720 m<sup>2</sup>.



b) Tại các địa điểm do Trường thuê: kiểm tra các hợp đồng thuê cơ sở vật chất đào tạo lý thuyết và đào tạo thực hành lưu tại Trường, kết quả:

- Tại khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội: tổng diện tích 1.015 m<sup>2</sup>, gồm: 10 phòng học lý thuyết, tổng diện tích 510 m<sup>2</sup>; 11 phòng/xưởng thực hành, tổng diện tích 505 m<sup>2</sup> (Hợp đồng số 01/2018/HĐ/VAS ngày 09/7/2018 diện tích thuê 397 m<sup>2</sup>, thời hạn 05 năm; Hợp đồng số 01/2019/HĐ/VAS ngày 26/4/2019 diện tích thuê 794 m<sup>2</sup>, thời hạn 05 năm giữa Trường và Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Việt Úc Hà Nội).

- Tại số 225 Trường Chinh, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội: 10 phòng học thực hành, 01 vườn dược liệu, tổng diện tích 800 m<sup>2</sup> (Hợp đồng số 105/2022/VYHPKKQ-CDYDHN ngày 01/05/2022 giữa Trường và Viện Y học Phòng không - Không quân).

- Tại Công ty Cổ phần Dược HAVICO, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: 03 phòng thực hành diện tích 240 m<sup>2</sup> (Hợp đồng không số ngày 20/5/2019 giữa Trường và Công ty Cổ phần Dược HAVICO).

- Tại Công ty Cổ phần phát triển kinh doanh Dược MORIOKA, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội: xưởng thực hành diện tích 1.500 m<sup>2</sup> (Hợp đồng số 0110/2022/HĐ-MRK ngày 10/01/2022 giữa Trường và Công ty Cổ phần phát triển kinh doanh Dược MORIOKA).

- Qua kiểm tra cho thấy:

+ Diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất 5.5 m<sup>2</sup>/chỗ học: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bình quân  $(2.360 + 2.720 + 510 + 505 + 800 + 240 + 1.500)/2.355 \times 2$  (học 02 ca/ngày) = 7,3 m<sup>2</sup>/chỗ học; đối với quy mô đang đào tạo bình quân  $(2.360 + 2.720 + 510 + 505 + 800 + 240 + 1.500)/2.777 \times 2$  (học 02 ca/ngày) = 6,2 m<sup>2</sup>/chỗ học.

+ Số phòng học lý thuyết: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng học lý thuyết cần có  $2.355/70 \times 35\% = 11,8$  phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học lý thuyết 35%), Trường hiện có 25 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng học lý thuyết cần có  $91 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 35\% = 16$  phòng, Trường hiện có 25 phòng.

+ Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $2.355/54 \times 65\% = 28$  phòng (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học thực hành 65%), Trường hiện có 26 phòng (trong đó 12 phòng diện tích 80 m<sup>2</sup>/phòng, có thể đảm bảo 36 sinh viên chia làm 02 nhóm thực tập); đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $91 \text{ lớp}/3\text{ca} \times 65\% = 19$  phòng, Trường hiện có 26 phòng.



## **1.2. Trang thiết bị đào tạo**

Kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 01/2018/HĐ/VAS ngày 09/7/2018, Hợp đồng số 01/2019/HĐ/VAS ngày 26/4/2019 giữa Trường và Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Việt Úc Hà Nội; Hợp đồng số 105/2022/VYHPKKQ-CDYDHN ngày 01/05/2022 giữa Trường và Viện Y học Phòng không - Không quân; Hợp đồng không số ngày 20/5/2019 giữa Trường và Công ty Cổ phần Dược HAVICO; Hợp đồng số 0110/2022/HĐ-MRK ngày 10/01/2022 giữa Trường và Công ty Cổ phần phát triển kinh doanh Dược MORIOKA), kết quả:

- Nghề Dược (trình độ cao đẳng): có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 36b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH).

- Nghề Điều dưỡng (trình độ cao đẳng): có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 37b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH.

- Nghề Hộ sinh (trình độ cao đẳng): có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 91b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 98 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH).

- Nghề Kỹ thuật xét nghiệm Y học (trình độ cao đẳng): có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 92b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH.

- Nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng (trình độ cao đẳng): có thiết bị đào tạo theo danh mục quy định tại phụ lục 92b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐTBXH.

## **1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo**

### **1.3.1. Cơ cấu tổ chức**

Hội đồng quản trị; Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng); Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Phòng Tuyển sinh - Truyền thông; Khoa cơ bản; Khoa Y; Khoa Dược; Tổ chức đảng, đoàn thể.

### **1.3.2. Cán bộ quản lý**

Tổng số cán bộ quản lý 17 người (Ban giám hiệu 04 người; trưởng, phó các phòng, khoa 13 người), trong đó: tiến sỹ 02 người, thạc sỹ 04 người, đại học 11 người.

### **1.3.2. Đội ngũ nhà giáo**

#### **a) Về số lượng**



- Tổng số nhà giáo 156 người, trong đó giảng viên, giáo viên cơ hữu là 83 người; giảng viên, giáo viên thỉnh giảng 73 người.

- Số giáo viên quy đổi  $(100,3 + 48,8) = 149,1$ , cụ thể:

+ Nhà giáo cơ hữu 83 người quy đổi thành 100,3 giáo viên; 15 cán bộ quản lý, nhân viên Phòng Đào tạo tham gia giảng dạy, tổng số giờ  $860/448 = 1,9$  giáo viên (Trường quy định giờ chuẩn của nhà giáo GDNN là 448 giờ); số nhà giáo dạy các môn chung và môn chuyên ngành 68 giáo viên cơ hữu (dạy thêm không quá 200 giờ/năm) quy đổi  $68 \times 648/448 = 98,4$  giáo viên.

+ Nhà giáo thỉnh giảng 73 người thỉnh giảng 21.900 giờ quy đổi  $21.900/448 = 48,8$  giáo viên.

- Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu quy đổi chiếm  $100,3/(100,3+48,8) = 67,2\%$  đảm bảo được ít nhất 60% theo quy định.

- Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi tính theo quy mô đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN:  $2.335/149,1 = 15,7$  học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi. Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi hiện tại Trường đang đào tạo:  $2.777/149,1 = 18,6$  học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi.

#### b) Về chất lượng

- Về trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 10 tiến sỹ, 47 thạc sỹ, 17 chuyên khoa 1, 02 chuyên khoa 2, 18 đại học, 02 cao đẳng.

- Về năng lực nghiệp vụ sư phạm: 19 người có Bằng đại học chuyên ngành sư phạm; 40 người có Bằng sư phạm dạy nghề; 40 người có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên đại học, cao đẳng; 06 người có Chứng chỉ sư phạm bậc 2.

- Về kỹ năng nghề: 08 người có Chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh; 08 người có Chứng chỉ hành nghề dược 08 người.

- Trình độ ngoại ngữ: 02 người có trình độ Đại học tiếng Anh, 01 người có Chứng chỉ B1 châu Âu tiếng Anh, 03 người có Chứng chỉ B3 châu Âu tiếng Anh, 07 người có Chứng chỉ C tiếng Anh, 139 người có Chứng chỉ B tiếng Anh, 03 người có chứng chỉ A tiếng Anh; 01 người có Chứng chỉ C tiếng Nga.

- Trình độ tin học: 03 người có trình độ Đại học, 62 người có chứng chỉ B, 87 người có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

### **1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo**

#### *1.4.1. Về chương trình đào tạo*

- Đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: đã xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo 05 nghề trình độ cao đẳng theo quy định (nghề Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng); đã cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo; đã cập nhật 06 môn học chung theo quy định của Bộ LĐTBXH.



- Đối với chương trình đào tạo liên thông: đã xây dựng chương trình đào tạo theo Quyết định số 241/2021/QĐ-YDHN-ĐT ngày 01/7/2021.

- Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Trường chưa tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

- Đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng: Trường chưa tổ chức đào tạo dưới 03 tháng nên chưa xây dựng chương trình đào tạo.

#### 1.4.2. Về giáo trình đào tạo

- Giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp: đã xây dựng, thẩm định, ban hành và lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng sử dụng trong Trường theo quy định.

- Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp: Trường không đào tạo trình độ sơ cấp nên không xây dựng giáo trình đào tạo.

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng: Trường không đào tạo dưới 03 tháng nên không xây dựng giáo trình đào tạo.

## 2. Việc triển khai các quy định trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

### 2.1. Công tác tuyển sinh

#### 2.1.1. Xây dựng quy chế tuyển sinh

Đã xây dựng quy chế tuyển sinh: năm 2020 (Quyết định số 05/2020/QĐTS-YDHN ngày 06/02/2020); năm 2021 (Quyết định số 07/2021/QĐTS-YDHN ngày 16/01/2021 và Quyết định số 100/2021/QĐ-YDHN); năm 2022 (Quyết định số 14/QĐTS-YDHN).

#### 2.1.2. Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh

- Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh: năm 2020 (Quyết định số 01/2020/QĐTS-YDHN ngày 06/02/2020); năm 2021 (Quyết định số 08/2021/QĐTS-YDHN ngày 18/01/2021); năm 2022 (Quyết định số 15/QĐTS-YDHN ngày 18/01/2022); năm 2023 (Quyết định số 02/QĐTS-YDHN ngày 02/01/2023).

- Đã thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh: năm 2020 (Quyết định số 02/2020/QĐTS-YDHN ngày 06/02/2020); năm 2021 (Quyết định số 09/2021/QĐTS-YDHN ngày 18/01/2021); năm 2022 (Quyết định số 16/QĐTS-YDHN ngày 18/01/2022); năm 2023 (Quyết định số 03/QĐTS-YDHN ngày 02/01/2023).

#### 2.1.3. Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

- Hồ sơ tuyển sinh gồm: phiếu đăng ký dự tuyển, giấy khám sức khỏe, bản sao công chứng học bạ trung học phổ thông, bản sao công chứng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời.



- Thủ tục đăng ký dự tuyển: thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại các địa điểm tuyển sinh của Trường hoặc gửi tới trụ sở chính của Trường thông qua đường bưu điện.

- Kiểm tra 20 hồ sơ đăng ký tuyển sinh trình độ cao đẳng năm 2022: đã đảm bảo theo quy định.

#### 2.1.4. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

2.1.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh: đã đăng thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ ytebacninh.edu.vn; tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường.

#### 2.1.6. Kết quả tuyển sinh từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tuyển sinh 3.476 người học trình độ cao đẳng, cụ thể: năm 2020 tuyển sinh được 1.117 người học, năm 2021 tuyển sinh được 1.107 người, năm 2022 đến thời điểm thanh tra tuyển sinh được 1.252 người học, đảm bảo không vượt quá quy mô đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

#### 2.1.7. Báo cáo kết quả tuyển sinh

Hàng năm, đã báo cáo kết quả tuyển sinh đến Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN theo quy định; tuy nhiên mẫu báo cáo chưa đúng quy định.

#### 2.1.8. Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh

- Trường đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Tổng Cục GDNN, Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh theo quy định.

- Trường đã thông báo tuyển sinh với các thông tin về ngành/ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh/năm, địa điểm đào tạo.

## 2.2. Công tác đào tạo

### 2.2.1. Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo theo quy định

- Đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy chế đào tạo theo Quyết định số 202/QĐ-YDHN ngày 30/3/2018 và Quyết định số 213/2022/QĐ-YDHN-ĐT ngày 28/5/2022.

- Quy chế đào tạo có các nội dung: chương trình và thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, kế hoạch đào tạo, đăng ký nhập học, chuyển ngành đào tạo, học cùng lúc hai chương trình, tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập, công nhận và miễn trừ nội dung học tập, các nội dung về kiểm tra và thi kết thúc môn, học lại, thi lại, ra đề thi và chấm thi, xử lý sinh viên vi phạm, bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập.



*(Handwritten signature)*



- Đã thực hiện công khai trước khi bắt đầu khóa học: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học tập, thời khóa biểu, giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo, thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo lý thuyết, thực hành, thời gian nghỉ hè, lễ, tết, khai giảng, bế giảng, thời gian học tập ngoại khóa.

### 2.2.2. Kết quả đào tạo

#### a) Về tổ chức lớp đào tạo

- Đã tổ chức đào tạo 265 lớp trình độ cao đẳng cho 8.083 sinh viên: năm 2020 có 83 lớp với 2.592 sinh viên; năm 2021 có 91 lớp với 2.714 sinh viên; năm 2022 đến thời điểm thanh tra có 91 lớp với 2.777 sinh viên.

- Tại thời điểm thanh tra, có 10 lớp học lý thuyết có quy mô vượt quá 35 sinh viên theo quy định, trong đó có lớp K21B3 có sinh viên vượt quá quy mô nhiều nhất (tổng 58 sinh viên, vượt 23 sinh viên, 65,7%).

#### b) Về điều kiện đảm bảo cho các lớp học

- Đối với đào tạo lý thuyết tại Trường: trong thời kỳ thanh tra, Trường tổ chức đào tạo 265 lớp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp. Đã bố trí các điều kiện đảm bảo cho các lớp học: phòng học; giáo viên, giảng viên dạy; thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập.

- Đối với việc tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (sau đây gọi tắt là Nghị định số 111/2017/NĐ-CP): kiểm tra hồ sơ đào tạo thực hành môn Lâm sàng nội khoa và môn Lâm sàng ngoại khoa của lớp cao đẳng Điều dưỡng K19B1 lưu tại Trường, kết quả:

+ Đối với thực hành môn Lâm sàng nội khoa tại Bệnh viện Thanh Nhàn: Trường và Bệnh viện Thanh Nhàn đã ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành (Hợp đồng số 91/HĐTH ngày 03/8/2020), tuy nhiên hợp đồng không đúng mẫu; Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành năm học 2020 – 2021, Trường và Bệnh viện Thanh Nhàn đã ký Phụ lục hợp đồng (không số, ngày 02/3/2022) mà không ký hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP dẫn đến chưa xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành.

- Đối với môn Lâm sàng ngoại khoa tại Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân: Trường ký Hợp đồng hợp tác thực hành y dược với Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân (Hợp đồng số 333/2017/VYHPKKQ-CDYDHN ngày 27/4/2017), căn cứ để ký kết hợp đồng là Thông tư số 09/2008/TT-BYT ngày 01/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc kết hợp giữa các cơ sở đào tạo cán bộ y tế với các bệnh viện, viện nghiên cứu và các cơ sở y tế khác trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2008/TT-BYT). Tuy nhiên, đến ngày 15/11/2018



thì Thông tư số 09/2008/TT-BYT hết hiệu lực (theo Thông tư số 25/2018/TT-BYT ngày 28/9/2018 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành), mặt khác, từ ngày 20/11/2017, việc đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP, như vậy, Trường và Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân đang sử dụng hợp đồng hợp tác thực hành theo quy định tại Thông tư số 09/2008/TT-BYT, chưa ký hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP. Năm học 2020 - 2021, Trường và Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân đã ký Phụ lục hợp đồng (không số, ngày 10/5/2022) mà không ký hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP dẫn đến chưa xác định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành để thực hiện chương trình đào tạo thực hành.

### *2.2.3. Số người bỏ học, thôi học*

Trong thời kỳ thanh tra, có 570 sinh viên thôi học, bỏ học; Trường đã thực hiện đầy đủ quy trình cho học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học theo quy định.

### *2.2.4. Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông*

- Trong thời kỳ thanh tra, Trường không tổ chức liên kết đào tạo.
- Trong thời kỳ thanh tra, đã tổ chức đào tạo liên thông cho 267 người (năm 2020: 20 người; năm 2021: 127 người; năm 2022: 120 người).
- Đã ban hành chương trình đào tạo liên thông (theo Quyết định số 241/2021/QĐ-YDHN-ĐT ngày 01/7/2021); qua kiểm tra hồ sơ tuyển sinh lớp K21MĐ-DT1A hồ sơ thể hiện có 27 người học liên thông từ trung cấp được lên cao đẳng được cho thấy hồ sơ đối tượng tuyển sinh đầy đủ, đúng đối tượng theo quy định.

### *2.3. Việc thi, kiểm tra, và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề*

- Đã thực hiện việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong đào tạo theo quy định: ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp theo (Quyết định số 202/QĐ-YDHN ngày 30/3/2018; Quyết định số 213/2022/QĐ-YDHN-ĐT ngày 28/5/2022).
- Đã tổ chức thi và công nhận tốt nghiệp cho cho 2.701 sinh viên trình độ cao đẳng.

### *2.4. Công tác giáo vụ*

#### *2.4.1. Việc quản lý, sử dụng biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo*

a) Về biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, đào tạo liên thông: đã ban hành quyết định phê duyệt hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý sử dụng trong Trường theo quy định (hồ sơ, sổ dành cho Trường gồm: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh sinh viên, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ cấp bằng tốt



nghiệp; hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên gồm: kế hoạch giảng dạy, giáo án lý thuyết, giáo án thực hành và giáo án tích hợp, sổ tay giáo viên).

b) Về biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo trình độ sơ cấp: không phát sinh, do Trường chưa tuyển sinh và đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

c) Về biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh do trường chưa đào tạo dưới 03 tháng.

#### *2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo*

Kiểm tra kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh sinh viên, sổ cấp bằng tốt nghiệp, kết quả: đã ghi chép đầy đủ nội dung trong sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo.

### **2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ**

- Đã phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Ninh, Công an tỉnh Bắc Ninh: Quyết định số 196/2022/QĐ-YDHN-ĐT ngày 10/5/2022.

- Đã ban hành quy chế in và quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo Quyết định số 188/QĐ-YDHN ngày 06/5/2022.

- Đã in 3.000 phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, đã cấp phát 2.701 phôi bằng cho người học đã tốt nghiệp, số phôi bằng còn lại chưa sử dụng 299 chiếc; đã mở sổ theo dõi việc in và cấp phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

### **3. Chế độ làm việc của nhà giáo**

#### *3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu*

- Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo (theo Quyết định số 73/QĐ-YDHN ngày 14/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp): quy định thời gian làm việc của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là 44 tuần/năm theo chế độ tuần làm việc 40 giờ (trong đó: thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, sinh viên 32 tuần; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng); quy định giờ chuẩn nhà giáo là 448 giờ chuẩn/năm đối với giảng viên dạy trình độ cao đẳng.

- Hằng năm đã xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn để nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động của nhà giáo GDNN; đã bố trí nhà giáo giảng dạy đảm bảo thời giờ làm việc quy định.

#### *3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng*

Đã ký hợp đồng với 73 giảng viên thỉnh giảng theo từng modul, môn học với mức thù lao từ 60.000 đồng/giờ đến 80.000 đồng/giờ đối với giảng viên dạy các môn chung, từ 80.000 đồng/giờ đến 150.000 đồng/giờ đối các giảng viên dạy môn chuyên ngành tùy theo trình độ.



#### **4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu**

**4.1. Nguồn vốn ODA:** Trường không được cấp kinh phí thực hiện.

**4.2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư:** Trường không được cấp kinh phí thực hiện.

**4.3. Dạy nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số:** Trường không được cấp kinh phí thực hiện.

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện**

1.1. Đã thành lập Hội đồng quản trị và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định.

1.2. Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu của trường cao đẳng tại khu vực đô thị theo quy định.

1.3. Có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất  $08 \text{ m}^2/\text{người}$ , cụ thể: diện tích các phòng làm việc là  $900 \text{ m}^2/31 = 29 \text{ m}^2/\text{người}$ .

1.4. Có thư viện với phần mềm và trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu, nghiên cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các mô đun, tín chỉ, học phần, môn học, các tài liệu liên quan đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.

1.5. Đảm bảo đủ diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất  $5.5 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ .

1.6. Số phòng học lý thuyết đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.7. Số phòng, xưởng thực hành, thực tập đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.8. Có đủ thiết bị đào tạo tối thiểu cho các nghề đào tạo đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định.

1.9. Có đủ giảng viên, giáo viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi.

1.10. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo theo quy định; hằng năm đã cập nhật và chỉnh sửa chương trình đào tạo.

1.11. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh theo quy định.

1.12. Đã tuyển sinh 3.476 sinh viên trình độ cao đẳng nhóm ngành y dược, đảm bảo không vượt quá quy mô đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.



động giáo dục nghề nghiệp.

1.13. Đã ban hành Quy chế quản lý đào tạo và đảm bảo đủ các nội dung theo quy định.

1.14. Đã tổ chức 265 lớp đào tạo cho 8.083 lượt sinh viên trình độ cao đẳng.

1.15. Đã tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp cho 2.701 sinh viên trình độ cao đẳng.

1.16. Đã ban hành quyết định hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo sử dụng trong Trường và ghi chép đầy đủ theo quy định.

1.17. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ và báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Ninh và Công an tỉnh Bắc Ninh theo quy định; đã mở sổ theo dõi, quản lý in phôi bằng, chứng chỉ theo quy định.

1.18. Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo quy định, đã ký hợp đồng với nhà giáo thỉnh giảng và bố trí nhà giáo tham gia giảng dạy đảm bảo thời gian quy định.

## **2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Điều 8 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban kèm theo Quyết định số 41/QĐ-YDHN ngày 07/03/2022 thiếu nội dung quy định tiêu chuẩn của hiệu trưởng “đã qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN” là chưa đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2012/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH) và tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Báo cáo kết quả tuyển sinh chưa đúng mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH).

2.3. Tổ chức 10 lớp đào tạo lý thuyết vượt quá 35 người theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH).

2.4. Ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Thanh Nhàn không đúng mẫu theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP; chưa ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành đối với Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 111/2017/NĐ-CP; chưa ký hợp đồng chi tiết đào tạo thực hành đối với Bệnh viện Thanh Nhàn và Bệnh viện Y học Phòng không - Không quân theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.



## IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

### 1. Kiến nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội

#### 1.1. Chỉ đạo khắc phục các sai phạm thiếu sót sau:

1.1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2012/TT-BLĐTBXH và tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp

1.1.2. Hằng năm, báo cáo kết quả tuyển sinh đúng mẫu theo quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.3. Bố trí các lớp học lý thuyết đúng quy mô đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH.

1.1.4. Ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành với cơ sở đào tạo thực hành theo đúng quy định tại Điều 6 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

**1.2. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.**

### 2. Kiến nghị Giám đốc Sở LĐTĐXH tỉnh Bắc Ninh

Chỉ đạo, đôn đốc Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội khắc phục những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

### 3. Các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ LĐTĐXH đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPVPHC ngày 14/3/2023 đối với Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội về hành vi “bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học từ 50% trở lên”.

## V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kèm hồ sơ, tài liệu chứng minh về Thanh tra Bộ LĐTĐXH (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/5/2023./.

Nơi nhận: *huy*

- Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh Thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTĐXH tỉnh Bắc Ninh (chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTĐXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM